

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ VINAVICO (sau đây gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Chủ tịch
Bà Trần Thị Bé	Ủy viên - miễn nhiệm ngày 25/04/2011
Bà Bùi Thị Nguyễn Hạnh	Ủy viên - bổ nhiệm ngày 25/04/2011
Ông Nguyễn Lê Chung	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Khiêm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Khiêm	Giám đốc
Ông Trần Văn Khánh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Quốc Khánh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 19, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Ngọc Khiêm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Số. /BCKT 2010-2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Khai thác mỏ VINA VICO**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Khai thác mỏ VINA VICO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Khai thác mỏ VINA VICO (gọi tắt là “Công ty”) lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan.

Trần Văn Thúc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0554/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Chu Quang Tùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		70.478.939.514	71.540.900.696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.413.592.925	5.139.670.481
1. Tiền	111	5	4.413.592.925	5.139.670.481
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.132.964.371	4.930.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.262.964.371	6.060.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.130.000.000)	(1.130.000.000)
III. Phải thu ngắn hạn	130		34.505.103.922	32.614.885.292
1. Phải thu khách hàng	131		29.458.280.415	27.531.812.007
2. Trả trước cho người bán	132		3.950.262.854	4.272.711.465
5. Các khoản phải thu khác	135		1.096.560.653	810.361.820
IV. Hàng tồn kho	140		21.432.530.785	22.886.039.556
1. Hàng tồn kho	141	7	21.432.530.785	22.886.039.556
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.994.747.511	5.970.305.367
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		518.409.823	1.381.369.930
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	7.476.337.688	4.588.935.437
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		24.938.352.169	27.346.832.106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.761.388.766	12.954.290.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	10.761.388.766	12.954.290.675
- Nguyên giá	222		24.751.067.608	24.578.363.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.989.678.842)	(11.624.073.022)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.656.756.756	13.556.756.756
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	13.656.756.756	13.556.756.756
V. Tài sản dài hạn khác	260		520.206.647	835.784.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		520.206.647	835.784.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		95.417.291.683	98.887.732.802

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		45.363.734.602	47.182.342.989
I. Nợ ngắn hạn	310		44.967.068.765	46.646.877.152
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	17.495.836.095	8.996.806.220
2. Phải trả người bán	312		19.008.012.393	31.652.604.717
3. Người mua trả tiền trước	313		1.000.000.000	1.305.379.264
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	824.248.233	952.728.257
5. Phải trả công nhân viên	315		1.486.261.568	2.301.259.355
6. Chi phí phải trả	316	13	1.298.329.444	385.227.263
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	3.386.928.440	861.419.484
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		467.452.592	191.452.592
II. Nợ dài hạn	330		396.665.837	535.465.837
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	387.200.000	526.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.465.837	9.465.837
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		50.053.557.081	51.705.389.813
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	16	50.053.557.081	51.705.389.813
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.943.790.000	2.943.790.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.000.000.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.370.000.000	870.000.000
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		673.239.412	353.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		338.599.813	147.201.696
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		727.927.856	7.391.398.117
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		95.417.291.683	98.887.732.802

Nguyễn Ngọc Khiêm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Công Đường

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	35.066.927.399	36.493.577.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		35.066.927.399	36.493.577.873
4. Giá vốn hàng bán	11	18	30.606.897.667	32.793.044.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.460.029.732	3.700.533.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	317.753.229	1.693.736.205
7. Chi phí tài chính	22	20	1.628.374.348	718.294.174
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.628.374.348	718.294.174
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.144.483.241	1.580.028.107
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.004.925.372	3.095.947.314
11. Thu nhập khác	31		-	2.587.104.640
12. Chi phí khác	32		778.704	14.156.036
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(778.704)	2.572.948.604
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.004.146.668	5.668.895.918
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	276.218.812	1.430.273.980
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		727.927.856	4.238.621.938
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		165	963

Nguyễn Ngọc Khiêm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Công Đường

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.004.146.668	5.668.895.918
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.365.605.820	2.423.424.955
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(317.753.229)	(4.245.526.845)
- Chi phí lãi vay	06		1.628.374.348	718.294.174
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.680.373.607	4.565.088.202
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.136.160.350)	625.862.366
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.453.508.771	(6.375.121.256)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.320.866.149)	(2.975.902.964)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		315.578.028	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.628.374.348)	(579.791.946)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(292.451.937)	(246.045.836)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(44.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.928.392.378)	(5.030.611.434)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(172.703.911)	(768.287.659)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	(100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.797.035.629	700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		317.753.229	33.229.449
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.842.084.947	8.864.941.790
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	16.090.040.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18.432.045.095	18.158.841.909
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.071.815.220)	(23.179.873.128)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.142.005.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.360.229.875	7.927.003.277
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(726.077.556)	11.761.333.633
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.139.670.481	1.473.990.702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		4.413.592.925	13.235.324.335

Nguyễn Ngọc Khiêm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Công Đường

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINA VICO

Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Khai thác mỏ VINA VICO (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0101715540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06 tháng 08 năm 2010 với vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng được chia làm 4.000.000 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 vốn cổ phần của Công ty là 44.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2011/NQ-ĐHCD Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 được thông qua ngày 24 tháng 5 năm 2011. Công ty chưa thực hiện làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Tổng số nhân viên tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011 là: 105 người

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, công trình thương mại, công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; Kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp); Sản xuất, mua bán, cho thuê, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị văn phòng, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị y tế, máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, giao thông và khai thác mỏ; Thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là khoản cho vay ngắn hạn với mức lãi suất từ 1,25%/tháng đến 1,5%/tháng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là khoản trích dự phòng đối với số dư gốc cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico với mức trích 100% và Công ty Cổ phần đầu tư và Sản xuất vật liệu mới Vinavico với mức trích là 50%.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

Chi phí xây dựng dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINA VICO

Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINA VICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	2.903.180.923	3.780.579.382
Tiền gửi ngân hàng	1.510.412.002	1.359.091.099
Cộng	4.413.592.925	5.139.670.481

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn⁽¹⁾		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất vật liệu mới VINA VICO	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông VINA VICO	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC	300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Du lịch Thành Đô	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng VINA VICO	352.964.371	2.000.000.000
Bùi Văn Thọ	-	150.000.000
Cộng đầu tư ngắn hạn	3.262.964.371	6.060.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ⁽²⁾	(1.130.000.000)	(1.130.000.000)
Cộng	2.132.964.371	4.930.000.000

⁽¹⁾ Là các khoản Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ VINA VICO cho vay ngắn hạn với mức lãi suất từ 1,25%/tháng đến 1,5%/tháng.

⁽²⁾ Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là khoản trích dự phòng đối với số dư gốc cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico với mức trích 100% và Công ty Cổ phần đầu tư và Sản xuất vật liệu mới Vinavico với mức trích là 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	6.300.000
Nguyên liệu, vật liệu	2.987.109.746	1.691.741.471
Công cụ, dụng cụ	61.496.679	67.015.679
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.695.216.330	19.311.006.299
Hàng gửi đi bán	688.708.030	1.809.976.107
Cộng	<u>21.432.530.785</u>	<u>22.886.039.556</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	7.443.041.828	4.464.832.687
Cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	33.295.860	124.102.750
Cộng	<u>7.476.337.688</u>	<u>4.588.935.437</u>

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2010	21.667.761.832	2.670.621.861	239.980.004	24.578.363.697
Tăng trong kỳ	97.000.000	-	75.703.911	172.703.911
Mua trong kỳ	97.000.000	-	75.703.911	172.703.911
Tại ngày 30/06/2011	<u>21.764.761.832</u>	<u>2.670.621.861</u>	<u>315.683.915</u>	<u>24.751.067.608</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 31/12/2010	10.858.835.953	626.055.612	139.181.457	11.624.073.022
Tăng trong kỳ	1.951.253.175	347.507.521	66.845.124	2.365.605.820
Khấu hao trong kỳ	1.951.253.175	347.507.521	66.845.124	2.365.605.820
Tại ngày 30/06/2011	<u>12.810.089.128</u>	<u>973.563.133</u>	<u>206.026.581</u>	<u>13.989.678.842</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	10.808.925.879	2.044.566.249	100.798.547	12.954.290.675
Tại ngày 30/06/2011	<u>8.954.672.704</u>	<u>1.697.058.728</u>	<u>109.657.334</u>	<u>10.761.388.766</u>

Giá trị còn lại tại thời điểm 30/06/2011 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 5.583.863.840 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINA VICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vinavico (*)	13.556.756.756	13.556.756.756
Công ty Công nghiệp Khoáng sản Vinavico	100.000.000	-
Cộng	13.656.756.756	13.556.756.756

(*) Tại thời điểm 30/06/2011 khoản đầu tư này chiếm 13% vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinavico. Mặt khác, Công ty cũng chưa thu thập được Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vinavico. Do đó, Công ty chưa có đủ cơ sở để trích lập dự phòng hoặc ghi nhận doanh thu cho khoản đầu tư này phụ thuộc vào kết quả của kinh doanh của Công ty Cổ phần Vinavico.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngân hàng		
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình</i>	<i>7.525.876.095</i>	<i>7.887.370.220</i>
Hợp đồng tín dụng số 10.2879227.01/HMTDHM ngày 14/09/2010 với hạn mức vay là 13.000.000.000 đồng. Thời hạn vay xác định theo từng công trình, từng lần rút vốn cụ thể nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay trong hạn được thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo HĐ tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất gia hạn nợ bằng 120% lãi suất cho vay trong hạn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Lãi vay trả một lần khi hết hạn hợp đồng vay, nợ gốc trả một lần khi hết hạn hợp đồng vay. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.		
Công ty Cổ phần VINA VICO	200.000.000	200.000.000
Hợp đồng tín dụng số 02b/HĐVT - TCKT - VINA VICO INCOM ngày 01/04/2011 với hạn mức vay là 200.000.000. Thời hạn vay là 6 tháng. Mục đích vay là nhằm hỗ trợ khó khăn về tài chính trong ngắn hạn của Công ty CP Đầu tư, Xây dựng và khai thác mỏ Vinavico. Lãi suất vay trong hạn là 1,67%/tháng, lãi suất vay quá hạn là 1,67%/tháng. Lãi vay trả một lần khi hết hạn hợp đồng vay, nợ gốc trả một lần khi hết hạn hợp đồng vay. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.		
Vay cá nhân (*)	9.442.960.000	542.436.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	327.000.000	367.000.000
Cộng	17.495.836.095	8.996.806.220

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINA VICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(*) Vay các cá nhân với lãi suất trong hạn từ 1,5%/tháng đến 2,3%/tháng, lãi suất quá hạn là từ 1,66%/tháng đến 2,3%/tháng. Thời hạn vay là dưới 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là hỗ trợ khó khăn về tài chính của Công ty. Lãi vay và nợ gốc trả một lần khi hết hạn hợp đồng vay. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	94.882.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	805.754.059	821.987.184
Thuế thu nhập cá nhân	18.494.174	35.858.889
Cộng	824.248.233	952.728.257

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí phải trả cho thầu phụ Dự án Tà Thàng	1.277.032.797	363.930.616
Chi phí lãi vay	21.296.647	21.296.647
Cộng	1.298.329.444	385.227.263

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	307.745.430	256.861.147
Bảo hiểm xã hội	237.224.793	217.985.594
Lãi vay phải trả cho các cá nhân	393.946.974	386.572.743
Cổ tức năm 2010 phải trả cho cổ đông	2.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	448.011.243	-
Cộng	3.386.928.440	861.419.484

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINA VICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	387.200.000	526.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>387.200.000</i>	<i>526.000.000</i>
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 281.09.002.104671.TD.DN ngày 5/10/2009. Hạn mức tín dụng là 196.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán mua 1 xe ô tô Hoa Mai HD4950 màu xanh và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được cố định trong suốt thời gian quá hạn. Tài sản đảm bảo vay là 1 xe ô tô Hoa Mai HD 4950 màu xanh, mới 100% (xe tải ben 2 cầu), giá trị tài sản là 343.000.000 đồng.	14.500.000	47.500.000
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 239.10.002.104671.TD.DN ngày 09/08/2010. Hạn mức tín dụng là 715.400.000 đồng. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santa Fe GLS màu đen và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 15%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm được gia hạn nợ đối với khoản vay hoặc một phần khoản vay được gia hạn thời hạn trả nợ trên 180 ngày. Tài sản đảm bảo vay là xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santa Fe GLS màu đen giá trị là 1.022.000.000 đồng.	372.700.000	462.100.000
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 81.09.SGD.TM.81.104671.01 ngày 13/3/2009. Hạn mức 336.000.000 đồng, thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên trừ trường hợp được ngân hàng đồng ý cho gia hạn nợ hoặc trả nợ trước hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để: Mua một xe ô tô Ford Ranger XL 4x4 Canopy. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10,5% /năm. Tài sản đảm bảo là Ford Ranger XL 4x4 Canopy, trị giá tài sản là 505.345.400 đồng.	-	16.400.000
Cộng	387.200.000	526.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2009	26.778.000.000	75.750.000	-	455.000.000	145.000.000	64.201.696	4.164.237.137	31.682.188.833
Tăng trong năm	13.222.000.000	2.868.040.000	-	415.000.000	208.000.000	83.000.000	7.391.398.117	24.187.438.117
- Tăng vốn	13.222.000.000	2.868.040.000	-	-	-	-	-	16.090.040.000
- Lãi	-	-	-	-	-	-	7.391.398.117	7.391.398.117
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	415.000.000	208.000.000	83.000.000	-	706.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	4.164.237.137	4.164.237.137
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	706.000.000	706.000.000
- Chi thường ban quản lý Công ty	-	-	-	-	-	-	244.877.137	244.877.137
- Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	3.213.360.000	3.213.360.000
Số dư tại ngày 31/12/2010	40.000.000.000	2.943.790.000	-	870.000.000	353.000.000	147.201.696	7.391.398.117	51.705.389.813
Số dư tại ngày 31/12/2010	40.000.000.000	2.943.790.000	-	870.000.000	353.000.000	147.201.696	7.391.398.117	51.705.389.813
Tăng trong năm	-	-	4.000.000.000	500.000.000	400.000.000	191.398.117	727.927.856	5.819.325.973
- Tăng vốn	-	-	4.000.000.000	-	-	-	-	4.000.000.000
- Lãi	-	-	-	-	-	-	727.927.856	727.927.856
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	500.000.000	400.000.000	191.398.117	-	1.091.398.117
Giảm trong năm	-	-	-	-	79.760.588	-	7.391.398.117	7.471.158.705
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.391.398.117	1.391.398.117
- Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Giám khác	-	-	-	-	79.760.588	-	-	79.760.588
Số dư tại ngày 30/06/2011	40.000.000.000	2.943.790.000	4.000.000.000	1.370.000.000	673.239.412	338.599.813	727.927.856	50.053.557.081

Trong năm Công ty tiến hành chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với số tiền 4.000.000.000 đồng, phần còn lại chi trả bằng tiền, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2011/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16.2 Cổ phiếu

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần

Tại thời điểm 30/06/2011 Công ty chưa có quyết định phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2011/NQ-ĐHCĐ ngày 24/5/2011 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2011/NQ-HĐQT ngày 25/5/2011.

16.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2011</u>	<u>đến 30/06/2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	753.110.001	4.238.621.938
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	753.110.001	4.238.621.938
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	165	963

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2011</u>	<u>đến 30/06/2010</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động bán vật tư, hàng hóa	3.581.189.259	2.957.410.791
Doanh thu hoạt động xây lắp	31.485.738.140	33.536.167.082
Cộng	35.066.927.399	36.493.577.873

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động bán vật tư, hàng hóa	3.199.034.094	2.513.851.676
Giá vốn hoạt động xây lắp	27.407.863.573	30.279.192.807
Cộng	30.606.897.667	32.793.044.483

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	317.753.229	36.979.449
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần VINAICO	-	1.656.756.756
Cộng	317.753.229	1.693.736.205

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.628.374.348	718.294.174
Cộng	1.628.374.348	718.294.174

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	1.004.146.668	5.668.895.918
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	100.728.579	52.200.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	100.728.579	52.200.000
Thu nhập chịu thuế	1.104.875.247	5.721.095.918
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	276.218.812	1.430.273.980
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	276.218.812	1.430.273.980

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICOTầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu	13.576.817.883	30.573.583.870
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm	13.576.817.883	30.573.583.870
	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	2.462.964.371	4.110.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất vật liệu mới Vinavico	1.960.000.000	1.960.000.000
- Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	150.000.000	150.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinavico	352.964.371	2.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	13.656.756.756	13.556.756.756
- Công ty Cổ phần Vinavico	13.556.756.756	13.556.756.756
- Công ty Công nghiệp Khoáng sản Vianvico	100.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng	25.021.678.386	27.039.598.503
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm	25.021.678.386	27.039.598.503
Các khoản phải thu khác	805.500.000	667.500.000
- Công ty Cổ phần Vinavico	600.000.000	600.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Vinavico	205.500.000	67.500.000
Phải trả cho người bán	1.253.249.479	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm	1.244.819.479	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền thông Vinavico	8.430.000	-
Vay ngắn hạn	200.000.000	200.000.000
- Công ty Cổ phần Vinavico	200.000.000	200.000.000

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì hạ,
Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA & A.

Nguyễn Ngọc Khiêm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Công Đường

Kế toán trưởng